

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐST

Ngày: 02-02-2021

V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Kim Huệ và ông Nguyễn Văn Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố D, phường Đ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trình Vũ T, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Ngọc H trình bày: Bà với ông Trình Vũ T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B ngày 18/12/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo cho gia đình, bà và ông T không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trình Vũ T.

Bà và ông T chung sống với nhau có 01 con chung tên Trình Bảo L, sinh ngày 18/02/2019. Nay ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà trình bày bà và ông T chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trình Vũ T đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông T không có mặt, không có ý kiến trình bày về nội dung vụ việc để Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày tại phiên tòa, bà H và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) cấp giấy chứng nhận kết hôn đã vào sổ số 74 ngày 18 tháng 12 năm 2017. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông bà hiện nay không còn chung sống. Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lâm Ngọc H được ly hôn với ông Trình Vũ T. Về con chung: Giao con chung tên Trình Bảo Lâm, sinh ngày 18/02/2019 cho bà H trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Lâm Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa bà với ông Trình Vũ T. Bị đơn ông Trình Vũ T có nơi cư trú tại ấp R, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và

gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Trình Vũ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được đồng thời ghi nhận ý kiến của đương sự có mặt theo quy định tại Điều 207, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử ông T cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) cấp giấy chứng nhận kết hôn đã vào sổ số 74 ngày 18 tháng 12 năm 2017. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn nên ông bà không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, bà H cho rằng nguyên nhân là do ông T không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Bị đơn ông Trình Vũ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến về nội dung vụ án, do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Qua lời trình bày của nguyên đơn và qua xác minh tại chính quyền địa phương, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lâm Ngọc H được ly hôn với ông Trình Vũ T.

Về con chung: Bà H trình bày chung sống với ông T có 01 con chung tên Trình Bảo L, giới tính nam, sinh ngày 18/02/2019. Nay ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Xét thấy cháu Trình Bảo L hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi đang do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ghi nhận ý kiến bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Ngọc H phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Ngọc H ly hôn với ông Trình Vũ T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trình Bảo L, giới tính nam, sinh ngày 18/02/2019, cho bà Lâm Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông T không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà Lâm Ngọc H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trình Vũ T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lâm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003675 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nay bà H không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP Hà Tiên;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Huỳnh Thanh Phương**